

**KẾ HOẠCH**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW  
ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII  
về “công tác dân số trong tình hình mới”**

-----

Thực hiện Chương trình làm việc của Thường trực Tỉnh ủy năm 2022 về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về “*công tác dân số trong tình hình mới*”, (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch sơ kết như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

2. Nội dung sơ kết tập trung đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; những kết quả đạt được; hạn chế, yếu kém; nguyên nhân của hạn chế; rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

3. Thông qua sơ kết tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, của cả hệ thống chính trị và nhân dân đối với công tác dân số trong tình hình mới, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4. Việc sơ kết phải được tiến hành một cách nghiêm túc, thiết thực, đảm bảo đúng thời gian.

**II. NỘI DUNG SƠ KẾT VÀ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**

**1. Nội dung sơ kết**

1.1. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến, quán triệt, triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TW của các cấp ủy đảng; việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết Nghị quyết.

1.2. Đánh giá nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đối với công tác dân số trong tình hình mới.

1.3. Đánh giá những kết quả đạt được; những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân theo từng nội dung được nêu trong Nghị quyết; rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

1.4. Đánh giá sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể liên quan ở địa phương trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

1.5. Những đề xuất, kiến nghị với tỉnh, Trung ương về cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới.

## **2. Các bước tiến hành**

### **2.1. Cấp tỉnh**

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tiến hành sơ kết tại địa phương, đơn vị; tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo sơ kết gửi Trung ương theo quy định.

- Giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai kế hoạch sơ kết; xây dựng báo cáo sơ kết, trình Thường trực Tỉnh ủy (*trước ngày 30/11/2022*).

### **2.2. Cấp huyện**

- Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn tiến hành sơ kết và xây dựng báo cáo gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Y tế*).

Thời gian: *xong trước ngày 15/11/2022*.

- Chỉ đạo cấp ủy cơ sở đánh giá, tổng hợp, xây dựng báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về “*công tác dân số trong tình hình mới*” gửi về đảng ủy cấp trên trực tiếp.

- Thời gian: *xong trước ngày 01/11/2022*.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương tiến hành sơ kết và xây dựng báo cáo ở cấp huyện; thẩm định và hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước *ngày 30/11/2022*.

### **2. Sở Y tế**

Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể có liên quan tổng hợp xây dựng dự thảo báo cáo sơ kết triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, thông qua Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh sau đó gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trước *ngày 20/11/2022*.

**3. Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể tỉnh; các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:** căn cứ vào nội dung Kế hoạch tiến hành sơ kết, tổng hợp báo cáo sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đảm bảo đúng nội dung, thời gian quy định, gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Sở Y tế để tổng hợp*) *trước ngày 15/11/2022*.



**4. Báo Hải Dương, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng:** đẩy mạnh tuyên truyền về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, chú trọng biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Việc sơ kết triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “*công tác dân số trong tình hình mới*” là nhiệm vụ quan trọng; yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để việc sơ kết đạt kết quả tốt, đáp ứng mục đích, yêu cầu đề ra.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Bộ Y tế,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Mặt trận Tổ quốc, các sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Sở Y tế,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Lưu VPTU.

} (để báo cáo),



**Lê Văn Hiệu**

## ĐỀ CƯƠNG

báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “công tác dân số trong tình hình mới” (kèm theo Kế hoạch số 103 -KH/TU, ngày 19 tháng 9 năm 2022)

### I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 21-NQ/TW

1. Việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về “công tác dân số trong tình hình mới”.

2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; văn bản hướng dẫn của các ngành chức năng, đoàn thể trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW.

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW.

### II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả bước đầu thực hiện các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết và các chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh, của địa phương

#### 2. Việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

Đánh giá kết quả thực hiện căn cứ vào nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW, Kế hoạch số 80-KH/TU ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW, tập trung đánh giá kết quả thực hiện theo nhóm các vấn đề được nêu trong các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết, gồm:

##### 2.1. Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân số; việc đưa công tác dân số, nâng cao chất lượng công tác dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và cả cộng đồng trong công tác dân số.

- Công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đoàn thể trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp.

##### 2.2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Đánh giá vai trò, trách nhiệm của các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các cơ quan chuyên môn về phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số, đặc biệt “chuyên trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển”

- Nội dung và hình thức tuyên truyền phổ biến Nghị quyết, các chính sách về Dân số và phát triển.



- Công tác giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, mất cân bằng giới tính khi sinh, giới và giới tính trong và ngoài nhà trường ở các cấp học nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ...

### **2.3. Việc thực hiện các cơ chế, chính sách về dân số**

- Đánh giá chất lượng hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về dân số; kiện toàn và nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về dân số; việc xử lý các vi phạm, nhất là việc thực thi các quy định của pháp luật liên quan đến nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Công tác chăm sóc, bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong việc tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi.

### **2.4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

- Công tác triển khai hệ thống tiêu chuẩn, quy định về các dịch vụ dân số, bao gồm: phương tiện, dịch vụ tránh thai, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh, sơ sinh ... được thực hiện như thế nào.

- Việc kiện toàn mạng lưới và nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng toàn diện, chất lượng cao và đúng quy định phân tuyến kỹ thuật, để mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, đặc biệt là người di cư, đối tượng yếu thế, vị thành niên, thanh niên được tiếp cận bình đẳng, thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại.

- Công tác xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; huy động và nâng cao hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, tư nhân trong việc cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Chất lượng, phương thức cung cấp dịch vụ tầm soát, chuẩn đoán sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; việc thực hiện xã hội hóa sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.

### **2.5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số**

- Công tác huy động các nguồn lực từ chương trình mục tiêu y tế - dân số trong việc bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ công tác dân số trên địa bàn.

+ Ngân sách Trung ương

+ Ngân sách tỉnh

+ Ngân sách địa phương.

- Chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số; vận động các nguồn viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển.

### **2.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số**

- Việc kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu công việc hiện nay; chính sách đãi

ngộ, hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở thôn, khu dân cư...; cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

- Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, nhất là cán bộ làm công tác hoạch định chính sách; chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa cao.

### ***2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế***

- Việc chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực dân số và phát triển.

- Công tác vận động, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế về dân số và phát triển trong tình hình mới.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Những kết quả nổi bật
2. Hạn chế, tồn tại
3. Nguyên nhân

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**